TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2020
V/v Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Ngọc Ẩn.
2. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ C**, sinh năm 1959. *(Có mặt)*
Địa chỉ: Khu vực P, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Lê Ngọc A**, sinh năm 1959. *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu vực P, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C trình bày:

Vào năm 1991, bà và ông Lê Ngọc A sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Ngọc A hạnh phúc không được bao lâu, đến năm 1992 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bất hòa về tình cảm, ông Ngọc A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường hay cãi vả. Bà đã nhiều

lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên vợ chồng đã ly thân từ năm 1992 đến nay. Nay bà yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Ngọc A.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thảo N (sinh năm 1992), đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ đối với bị đơn ông Lê Ngọc A để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông Ngọc A nhiều lần vắng mặt không có lý do. vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 206 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Lê Ngọc A tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, bà C có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông Ngọc A. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Ngọc A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông Ngọc A đã tiến tới hôn nhân vào năm 1991, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng đến năm 1992 thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa, bà C cho rằng do ông Ngọc A làm nghề đi ghe nên thường xuyên xa nhà. Khi bà C mang thai thì ông Ngọc A đã tự ý bỏ nhà đi nhưng bà C không biết nguyên nhân. Đến khi bà C sinh con thì ông Ngọc A có về thăm con được 01 lần, từ đó đến nay ông Ngọc A không hề tới lui thăm con gì cả. Bà C và ông Ngọc A đã ly thân từ năm 1992 đến nay. Điều này cho thấy tình cảm giữa bà C và ông Ngọc A đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế. Do bà C và ông Ngọc A không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53 Luật

hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông Ngọc A.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà C và ông Ngọc A có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thảo N (sinh năm 1992), đã trưởng thành nên không giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông Ngọc A vắng mặt nên chưa xác định được phần tài sản chung và nợ chung của bà C và ông Ngọc A. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung của bà C và ông Ngọc A. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu án phí. Tuy nhiên, do bà C là đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Bà C được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 14, 51 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Lê Ngọc A.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thảo N (sinh năm 1992), đã trưởng thành nên không giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ C được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà C được nhận lại số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 010744 ngày 07/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Ngọc Ẩn	**Nguyễn Vĩnh Thạnh**	**Bùi Trần Thanh Thế**